

**DEVELOPING DIALECTICAL THINKING SKILLS IN UNIVERSITY STUDENTS:  
A MULTI-DIMENSIONAL ANALYSIS FRAMEWORK  
AND EMPIRICAL EVIDENCE AT TRUNG VUONG UNIVERSITY**

**Nguyen Thi Hue**

Trung Vuong University

ROR ID: <https://ror.org/05xzsm645>

Email: [Huenguyenvps@gmail.com](mailto:Huenguyenvps@gmail.com)

ORCID iD: <https://orcid.org/0009-0008-3982-4097>

**Article History**

Received: 19/3/2026

Reviewed: 25/4/2026

Revised: 10/5/2026

Accepted: 15/6/2026

Released: 30/6/2026

**DOI: <https://doi.org/10.64223/tvj.p2026.v2.i6.a101>**

**Abstract:**

*In the context of digital transformation and the increasing complexity of knowledge, dialectical thinking competence is becoming an essential core competency for higher education students. However, existing studies still lack an integrated analytical framework and highly reliable measurement instruments, particularly within higher education contexts in developing countries. On this basis, the present study develops and empirically validates a multidimensional analytical framework for constructing and measuring students' dialectical thinking competence at Trung Vuong University.*

*The study is grounded in constructivist theory, cognitive development theory, and the socio-cultural approach, through which dialectical thinking competence is conceptualized as comprising four dimensions: cognition, metacognition, self-assessment and self-regulation, and social interaction. A mixed-methods research design was employed with a survey of approximately 400 students; the measurement scales were validated using Exploratory Factor Analysis (EFA), Confirmatory Factor Analysis (CFA), and Structural Equation Modeling (SEM).*

*The findings confirm the reliability and validity of the measurement model, while also indicating that metacognition and reflective thinking play central roles in the development of dialectical thinking. The study further reveals the significant influence of the learning environment and teaching methods on this competence. Based on these findings, the study contributes in three major aspects: (i) advancing theory through an integrated multidimensional analytical framework; (ii) providing a highly reliable measurement instrument; and (iii) proposing practical implications for higher education reform. Accordingly, the study contributes to advancing scholarship on higher-order thinking and provides a scalable model within the context of knowledge globalization.*

**Keywords:** *Dialectical Thinking Competence; Higher-Order Thinking Skills; Higher Education Assessment; Multidimensional Analytical Framework; Structural Equation Modeling (SEM); Metacognition and Reflective Learning; Competency-Based Education; Educational Measurement and Validation*

**JEL Codes:** I23, I21, C12, C83, I28

## 1. Tổng quan nghiên cứu

Trong những năm gần đây, năng lực tư duy bậc cao, đặc biệt là tư duy phản biện và tư duy biện chứng, ngày càng trở thành một chủ đề được quan tâm rộng rãi trong nghiên cứu giáo dục đại học. Sự chuyển dịch của nền kinh tế tri thức cùng tác động của chuyên đổi số đã làm thay đổi yêu cầu đối với nguồn nhân lực, trong đó khả năng phân tích đa chiều, xử lý thông tin phức hợp và thích ứng với những biến đổi nhanh chóng của môi trường xã hội được xem là những năng lực cốt lõi của người học trong thế kỷ XXI. Trong bối cảnh đó, giáo dục đại học không chỉ dừng lại ở việc truyền thụ tri thức chuyên môn mà còn phải hướng tới phát triển các năng lực tư duy giúp sinh viên giải quyết các vấn đề thực tiễn trong điều kiện không chắc chắn và nhiều mâu thuẫn.

Tuy nhiên, nhiều nghiên cứu cho thấy năng lực tư duy phản biện và tư duy biện chứng của sinh viên hiện nay vẫn còn bộc lộ những hạn chế đáng kể. Phần lớn người học vẫn duy trì phương thức tiếp cận tri thức theo hướng ghi nhớ và tái hiện thông tin hơn là chủ động phân tích, đánh giá và tái cấu trúc tri thức. Quá trình học tập còn mang tính thụ động, phụ thuộc nhiều vào nội dung được truyền đạt từ giảng viên, trong khi khả năng liên hệ kiến thức với các vấn đề thực tiễn còn hạn chế. Điều này dẫn đến tình trạng sinh viên gặp khó khăn trong việc nhận diện bản chất của vấn đề, thiếu khả năng nhìn nhận sự vật trong mối quan hệ đa chiều và chưa có năng lực xử lý các mâu thuẫn nảy sinh trong quá trình học tập cũng như trong thực tiễn nghề nghiệp.

Từ góc độ nghiên cứu giáo dục, một trong những nguyên nhân quan trọng của thực trạng trên xuất phát từ hệ thống đánh giá trong giáo dục đại học. Các hình thức đánh giá hiện hành vẫn chủ yếu tập trung vào việc đo lường mức độ ghi nhớ và tái hiện kiến thức thông qua các bài kiểm tra truyền thống. Trong nhiều trường hợp, hoạt động đánh giá thiên về xác định “đáp án đúng” hơn là xem xét quá trình lập luận, khả năng phản tư hay năng lực phân tích của người học. Vì vậy, các công cụ đánh giá hiện nay chưa phản ánh đầy đủ bản chất của năng lực tư duy bậc cao, đặc biệt là tư duy biện chứng – một dạng tư duy mang tính động, đa chiều và gắn với khả năng nhận diện cũng như giải quyết mâu thuẫn.

Bên cạnh đó, các nghiên cứu về đo lường tư duy biện chứng vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế về phương diện lý thuyết và phương pháp luận. Phần lớn các công trình trước đây chủ yếu tiếp cận năng lực này từ những góc nhìn riêng lẻ như triết học, tâm lý học nhận thức hoặc giáo dục học. Mặc dù mỗi cách tiếp cận đều cung cấp những cơ sở quan trọng cho việc lý giải tư duy biện chứng, song vẫn thiếu một khung lý thuyết mang tính tích hợp có khả năng kết nối các chiều cạnh nhận thức, siêu nhận thức, phản tư và bối cảnh xã hội trong cùng một cấu trúc thống nhất. Sự phân mảnh về lý thuyết này làm hạn chế khả năng

giải thích đầy đủ bản chất phức hợp và vận động của tư duy biện chứng trong môi trường giáo dục hiện đại.

Không chỉ tồn tại khoảng trống về lý thuyết, các nghiên cứu hiện nay cũng chưa xây dựng được hệ thống công cụ đo lường có tính chuẩn hóa cao đối với năng lực tư duy biện chứng. Nhiều thang đo hiện hành chủ yếu tập trung vào các biểu hiện gắn với tư duy logic hoặc tư duy phản biện, trong khi chưa phản ánh đầy đủ đặc trưng của tư duy biện chứng như khả năng nhận diện mâu thuẫn, xem xét sự vật trong tính phát triển và tích hợp các quan điểm đối lập. Ngoài ra, việc kiểm định độ tin cậy và giá trị của các công cụ đo lường này chưa được triển khai đồng bộ trong những bối cảnh giáo dục khác nhau, làm hạn chế khả năng khái quát hóa kết quả nghiên cứu.

Một khoảng trống đáng chú ý khác nằm ở bối cảnh nghiên cứu. Phần lớn các công trình liên quan đến tư duy biện chứng được thực hiện tại các quốc gia phát triển, nơi có điều kiện giáo dục, văn hóa học thuật và môi trường học tập tương đối khác biệt so với các quốc gia đang phát triển. Trong khi đó, các nghiên cứu tại Việt Nam về năng lực tư duy biện chứng của sinh viên vẫn còn khá hạn chế cả về số lượng lẫn chiều sâu học thuật. Các nghiên cứu thực nghiệm sử dụng mô hình định lượng với cỡ mẫu đủ lớn và các kỹ thuật phân tích hiện đại như CFA hay mô hình phương trình cấu trúc (SEM) vẫn chưa nhiều. Điều này dẫn đến sự thiếu hụt các bằng chứng khoa học có khả năng phản ánh đặc điểm và cơ chế vận hành của tư duy biện chứng trong bối cảnh giáo dục đại học Việt Nam.

Từ những phân tích trên có thể thấy, khoảng cách giữa yêu cầu phát triển năng lực tư duy biện chứng và thực tiễn đào tạo trong giáo dục đại học hiện nay vẫn còn tương đối lớn. Khoảng cách này không chỉ bắt nguồn từ hạn chế trong phương pháp giảng dạy và đánh giá mà còn xuất phát từ sự thiếu vắng các mô hình lý thuyết tích hợp và công cụ đo lường có độ tin cậy cao. Do đó, việc xây dựng một khung phân tích đa chiều nhằm khái niệm hóa cấu trúc của năng lực tư duy biện chứng, đồng thời phát triển hệ thống thang đo có khả năng kiểm định thực nghiệm, trở thành một yêu cầu cần thiết cả về phương diện lý luận lẫn thực tiễn.

Trên cơ sở đó, nghiên cứu này tập trung giải quyết ba câu hỏi nghiên cứu chính. Thứ nhất, cấu trúc của năng lực tư duy biện chứng trong giáo dục đại học bao gồm những thành phần nào và mối quan hệ giữa các thành phần đó được hình thành ra sao? Thứ hai, làm thế nào để xây dựng và kiểm định một công cụ đo lường có độ tin cậy và giá trị cao đối với năng lực tư duy biện chứng của sinh viên? Thứ ba, những yếu tố nào từ môi trường học tập và phương pháp giảng dạy có ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển của năng lực này?

Để trả lời các câu hỏi trên, nghiên cứu đề xuất tiếp cận năng lực tư duy biện chứng như một cấu trúc đa chiều bao gồm bốn thành phần cơ bản: nhận thức, siêu nhận thức, phân tư và bối cảnh xã hội. Trong đó, thành phần nhận thức phản ánh khả năng phân tích và nhận diện các mối quan hệ đa chiều của sự vật, hiện tượng; thành phần siêu nhận thức thể hiện khả năng giám sát và điều chỉnh quá trình tư duy; thành phần phân tư liên quan đến năng lực đánh giá lại quan điểm và lập luận của bản thân; còn thành phần bối cảnh xã hội nhấn mạnh ảnh hưởng của môi trường tương tác và trải nghiệm học tập đối với quá trình hình thành tư duy biện chứng. Việc tích hợp bốn thành phần này cho phép tiếp cận tư duy biện chứng như một năng lực vừa mang tính nhận thức, vừa mang tính xã hội và phát triển.

Từ đó, nghiên cứu kỳ vọng đóng góp vào lĩnh vực giáo dục đại học trên bốn phương diện chính. Thứ nhất, về mặt lý thuyết, nghiên cứu phát triển một khung phân tích tích hợp đa chiều nhằm khắc phục sự phân mảnh trong các nghiên cứu trước đây về tư duy biện chứng. Thứ hai, về phương pháp luận, nghiên cứu đề xuất quy trình xây dựng và kiểm định thang đo dựa trên sự kết hợp giữa các kỹ thuật phân tích nhân tố và mô hình phương trình cấu trúc nhằm đảm bảo độ tin cậy và giá trị của công cụ đo lường. Thứ ba, nghiên cứu cung cấp bằng chứng thực nghiệm về cấu trúc và cơ chế vận hành của năng lực tư duy biện chứng trong bối cảnh giáo dục đại học Việt Nam. Cuối cùng, từ các kết quả nghiên cứu, một số hàm ý chính sách và định hướng đổi mới giáo dục đại học theo hướng phát triển năng lực cũng được đề xuất nhằm góp phần nâng cao chất lượng đào tạo trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

## **2. Khung khái niệm và giả thuyết nghiên cứu**

Tư duy biện chứng là một phạm trù trung tâm trong nghiên cứu về nhận thức con người, được tiếp cận dưới nhiều góc độ khác nhau như triết học, giáo dục học và tâm lý học nhận thức. Mặc dù có sự khác biệt về cách diễn giải, các tiếp cận này đều thống nhất ở việc xem tư duy biện chứng là một hình thức tư duy bậc cao, cho phép con người nhận thức thế giới trong tính vận động, mâu thuẫn và phát triển của nó. Trong bối cảnh xã hội tri thức và chuyển đổi số hiện nay, tư duy biện chứng ngày càng được xem như một năng lực nền tảng đối với sinh viên đại học, bởi nó giúp người học không chỉ tiếp thu tri thức mà còn có khả năng phân tích, đánh giá và tái cấu trúc tri thức trong các tình huống phức hợp.

Trong Triết học Mác – Lênin, tư duy biện chứng được hiểu là phương thức tư duy phản ánh hiện thực khách quan trong mối liên hệ phổ biến và sự vận động không ngừng của các sự vật, hiện tượng. Khác với lối tư duy siêu hình xem sự vật như những thực thể tách biệt và bất biến, tư duy biện chứng nhấn mạnh tính toàn diện, tính lịch sử – cụ thể và sự chuyên hóa giữa các mặt đối lập. Theo cách tiếp

cận này, nhận thức không diễn ra theo tuyến tính đơn giản mà luôn vận động thông qua quá trình phát hiện, giải quyết và vượt qua các mâu thuẫn. Chính vì vậy, tư duy biện chứng cho phép con người nhìn nhận sự vật trong tính hệ thống, nhận diện xu hướng phát triển và đưa ra quyết định phù hợp với điều kiện cụ thể.

Dưới góc độ giáo dục học, tư duy biện chứng được xem như một năng lực nhận thức bậc cao cần được hình thành thông qua quá trình dạy học và trải nghiệm học tập. Các nghiên cứu giáo dục hiện đại cho rằng người học không chỉ cần ghi nhớ tri thức mà còn phải có khả năng phân tích đa chiều, đánh giá thông tin và giải quyết các vấn đề phức hợp trong thực tiễn. Trong bối cảnh giáo dục đại học chuyển mạnh từ tiếp cận nội dung sang tiếp cận phát triển năng lực, tư duy biện chứng trở thành nền tảng để hình thành các năng lực như tư duy phản biện, sáng tạo và thích ứng. Điều này đặc biệt quan trọng trong môi trường xã hội hiện đại, nơi tri thức luôn biến đổi và người học phải liên tục tái cấu trúc hiểu biết của mình.

Từ góc nhìn của tâm lý học nhận thức, tư duy biện chứng được xem là một cấp độ phát triển cao của hoạt động trí tuệ, gắn với khả năng xử lý thông tin phức tạp, chấp nhận tính không chắc chắn và dung hòa các quan điểm đối lập. Các nghiên cứu trong lĩnh vực này nhấn mạnh vai trò của siêu nhận thức, phân tư và cơ chế tự điều chỉnh trong quá trình hình thành tư duy biện chứng. Theo Lev Vygotsky, sự phát triển nhận thức của con người luôn gắn với môi trường xã hội và tương tác văn hóa; do đó, tư duy không chỉ là quá trình nội tại của cá nhân mà còn chịu ảnh hưởng sâu sắc từ bối cảnh xã hội. Quan điểm này mở rộng cách hiểu về tư duy biện chứng như một năng lực vừa mang tính cá nhân vừa mang tính xã hội, được hình thành thông qua trải nghiệm, đối thoại và tương tác học thuật.

Bên cạnh các tiếp cận lý thuyết nền tảng, nhiều mô hình nghiên cứu về tư duy bậc cao cũng được vận dụng để lý giải năng lực tư duy của người học. Tiêu biểu trong số đó là mô hình tư duy phản biện của Facione (1990) và thang phân loại nhận thức của Bloom, được Anderson và Krathwohl điều chỉnh năm 2001. Mô hình của Bloom phân chia hoạt động nhận thức theo các cấp độ từ ghi nhớ, hiểu, vận dụng đến phân tích, đánh giá và sáng tạo. Đây là nền tảng quan trọng cho việc thiết kế mục tiêu học tập và đánh giá năng lực nhận thức trong giáo dục hiện đại. Tuy nhiên, cách tiếp cận này vẫn mang tính phân cấp tuyến tính, trong khi tư duy biện chứng lại mang đặc trưng vận động, chuyên hóa và tác động qua lại giữa các thành tố nhận thức.

Tương tự, mô hình tư duy phản biện của Facione tập trung vào các kỹ năng như diễn giải, phân tích, suy luận và đánh giá lập luận. Mặc dù mô hình này có giá trị lớn trong việc phát triển năng lực lập luận logic, song vẫn chủ yếu dựa trên logic hình thức và

chưa phản ánh đầy đủ bản chất động và mâu thuẫn của tư duy biện chứng. Trong thực tiễn, con người không chỉ cần bác bỏ hoặc bảo vệ một quan điểm, mà còn phải có khả năng nhận diện tính hợp lý của các quan điểm đối lập, từ đó tổng hợp thành một cách hiểu mới ở trình độ cao hơn. Điều này cho thấy tư duy phân biện và tư duy biện chứng có mối quan hệ gắn gũi nhưng không hoàn toàn đồng nhất; tư duy biện chứng bao hàm khả năng xử lý mâu thuẫn và tái cấu trúc nhận thức trong những bối cảnh đa chiều và biến đổi liên tục.

Mặc dù tư duy biện chứng đã được nghiên cứu trên nhiều phương diện, hệ thống tri thức hiện nay vẫn tồn tại những khoảng trống đáng kể cả về lý thuyết lẫn phương pháp luận. Trước hết, phần lớn các nghiên cứu có xu hướng tiếp cận tư duy biện chứng từ các góc nhìn riêng lẻ, tập trung chủ yếu vào khía cạnh nhận thức hoặc logic tư duy, trong khi các yếu tố siêu nhận thức, phản tư và bối cảnh xã hội chưa được tích hợp trong một cấu trúc thống nhất. Điều này dẫn đến hạn chế trong việc giải thích bản chất động và đa tầng của tư duy biện chứng.

Thứ hai, các công cụ đo lường hiện có vẫn còn phân tán và thiếu tính chuẩn hóa. Nhiều thang đo chủ yếu đánh giá tư duy logic hoặc tư duy phân biện, nhưng chưa phản ánh đầy đủ đặc trưng của tư duy biện chứng như khả năng nhận diện mâu thuẫn, xem xét sự vật trong tính phát triển và tích hợp các quan điểm đối lập. Đồng thời, việc kiểm định độ tin cậy và giá trị của các công cụ này trong các bối cảnh giáo dục khác nhau còn hạn chế, làm giảm khả năng khái quát hóa kết quả nghiên cứu.

Thứ ba, phần lớn các công trình nghiên cứu về tư duy biện chứng được thực hiện tại các quốc gia phát triển, trong khi bối cảnh giáo dục đại học ở các nước đang phát triển, đặc biệt là Việt Nam, vẫn chưa được khảo cứu đầy đủ. Sự khác biệt về môi trường học tập, văn hóa giáo dục và điều kiện triển khai đào tạo có thể ảnh hưởng đáng kể đến cấu trúc cũng như cơ chế hình thành năng lực tư duy biện chứng của sinh viên. Tuy nhiên, các nghiên cứu thực nghiệm tại Việt Nam hiện nay vẫn còn khá hạn chế, đặc biệt là các nghiên cứu sử dụng mô hình định lượng với kỹ thuật phân tích hiện đại như CFA hoặc SEM.

Trên cơ sở nhận diện những khoảng trống đó, nghiên cứu này được xây dựng dựa trên nền tảng tích hợp của ba hướng tiếp cận lý thuyết chính, bao gồm thuyết kiến tạo (Constructivism), lý thuyết học tập trải nghiệm (Experiential Learning Theory) và lý thuyết phát triển nhận thức (Cognitive Development Theory). Việc kết hợp các tiếp cận này cho phép lý giải tư duy biện chứng như một năng lực động được hình thành thông qua sự tương tác giữa hoạt động nhận thức cá nhân và môi trường xã hội.

Trong khung lý thuyết kiến tạo, tri thức được xem là sản phẩm của quá trình người học chủ động kiến tạo thông qua tương tác với môi trường và tái

cấu trúc kinh nghiệm đã có. Điều này cho thấy tư duy biện chứng không phải là sự tiếp nhận thụ động tri thức, mà là quá trình liên tục điều chỉnh nhận thức khi đối diện với các tình huống chứa đựng mâu thuẫn và bất định.

Lý thuyết học tập trải nghiệm nhấn mạnh vai trò của kinh nghiệm thực tiễn và hoạt động phản tư trong quá trình hình thành tri thức. Theo cách tiếp cận này, người học phát triển tư duy biện chứng thông qua việc tham gia vào các tình huống thực tiễn, phân tích các mối quan hệ đa chiều và điều chỉnh nhận thức dựa trên trải nghiệm cá nhân.

Trong khi đó, lý thuyết phát triển nhận thức xem tư duy biện chứng là một trình độ phát triển cao của hoạt động trí tuệ, thể hiện ở khả năng xử lý mâu thuẫn, tích hợp các quan điểm khác biệt và vận dụng linh hoạt các cấu trúc tư duy trong những bối cảnh đa dạng. Quan điểm này cho phép xem tư duy biện chứng như một năng lực phát triển liên tục, chịu tác động đồng thời của các yếu tố nhận thức, kinh nghiệm và môi trường xã hội.

Từ việc tổng hợp các tiếp cận lý thuyết và kết quả nghiên cứu trước đây, nghiên cứu này đề xuất tiếp cận năng lực tư duy biện chứng như một cấu trúc đa chiều gồm bốn thành phần chính: nhận thức, siêu nhận thức, phản tư và bối cảnh xã hội. Thành phần nhận thức phản ánh khả năng phân tích và nhận diện các mối quan hệ đa chiều của sự vật; thành phần siêu nhận thức thể hiện khả năng theo dõi và điều chỉnh quá trình tư duy; thành phần phản tư liên quan đến việc đánh giá lại quan điểm và lập luận của bản thân; còn thành phần bối cảnh xã hội phản ánh vai trò của môi trường học tập, tương tác học thuật và trải nghiệm xã hội trong quá trình hình thành tư duy biện chứng.

Dựa trên khung lý thuyết này, nghiên cứu đề xuất mô hình nghiên cứu với các giả thuyết về mối quan hệ giữa các thành phần của năng lực tư duy biện chứng. Cụ thể, năng lực nhận thức được giả định có tác động tích cực đến siêu nhận thức và phản tư; siêu nhận thức giữ vai trò trung tâm trong việc thúc đẩy phản tư; đồng thời bối cảnh xã hội được kỳ vọng có ảnh hưởng tích cực đến toàn bộ cấu trúc tư duy biện chứng thông qua quá trình tương tác và trải nghiệm học tập. Để kiểm định các giả thuyết này, nghiên cứu sử dụng mô hình phương trình cấu trúc (SEM) nhằm đánh giá đồng thời mô hình đo lường và mô hình cấu trúc giữa các biến tiềm ẩn.

### 3. Phương pháp nghiên cứu

#### 3.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu được triển khai theo phương pháp hỗn hợp (Mixed-Methods) nhằm bảo đảm sự kết hợp giữa chiều sâu lý luận và tính khách quan của bằng chứng thực nghiệm. Cách tiếp cận này cho phép nghiên cứu vừa khám phá bản chất của năng lực tư duy biện chứng trên phương diện định tính, vừa kiểm định cấu trúc và các mối quan hệ giữa các

biến bằng dữ liệu định lượng.

Ở giai đoạn thứ nhất, nghiên cứu định tính được thực hiện thông qua phỏng vấn sâu và tham vấn chuyên gia. Mười chuyên gia bao gồm giảng viên triết học, chuyên gia giáo dục học và chuyên gia đo lường – đánh giá được lựa chọn nhằm cung cấp các góc nhìn đa chiều về bản chất, cấu trúc và biểu hiện của năng lực tư duy biện chứng trong giáo dục đại học. Nội dung phỏng vấn tập trung vào việc xác định các thành tố cốt lõi của tư duy biện chứng, mức độ phù hợp của các chỉ báo đo lường và khả năng vận dụng trong bối cảnh đào tạo đại học hiện nay. Kết quả của giai đoạn này được sử dụng để hiệu chỉnh mô hình nghiên cứu, xây dựng hệ thống biến quan sát và hoàn thiện bảng hỏi khảo sát.

Ở giai đoạn thứ hai, nghiên cứu định lượng được triển khai thông qua khảo sát sinh viên nhằm kiểm định mô hình lý thuyết đề xuất. Dữ liệu định lượng được sử dụng để đánh giá độ tin cậy và giá trị của thang đo, đồng thời kiểm định các giả thuyết nghiên cứu liên quan đến cấu trúc và cơ chế vận hành của năng lực tư duy biện chứng. Việc kết hợp hai phương pháp giúp tăng cường tính toàn diện và độ tin cậy của kết quả nghiên cứu, đồng thời hạn chế những thiên lệch có thể xuất hiện nếu chỉ sử dụng một phương pháp đơn lẻ.

Nhìn tổng thể, thiết kế nghiên cứu hỗn hợp không chỉ phù hợp với tính chất đa chiều của tư duy biện chứng mà còn tạo điều kiện kết nối giữa cơ sở lý luận và thực tiễn giáo dục đại học trong bối cảnh chuyên đổi số hiện nay.

### **3.2. Mẫu nghiên cứu và phương pháp chọn mẫu**

Đối tượng khảo sát của nghiên cứu là sinh viên hệ đại học chính quy tại Trường Đại học Trưng Vương. Đây là nhóm đối tượng phù hợp để nghiên cứu năng lực tư duy biện chứng vì họ đang trong quá trình hình thành thế giới quan, phương pháp luận và các năng lực tư duy bậc cao phục vụ học tập cũng như nghề nghiệp trong tương lai.

Nghiên cứu sử dụng phương pháp chọn mẫu phân tầng (Stratified Sampling) nhằm bảo đảm tính đại diện của mẫu theo các đặc điểm quan trọng như khối ngành đào tạo và năm học. Việc phân tầng giúp hạn chế sai lệch mẫu và phản ánh tương đối đầy đủ sự khác biệt về trải nghiệm học tập giữa các nhóm sinh viên.

Tổng số bảng hỏi phát ra là 420 phiếu, trong đó thu về 398 phiếu hợp lệ sau khi loại bỏ các phiếu không đầy đủ thông tin hoặc có dấu hiệu trả lời thiếu nghiêm túc. Kích thước mẫu này đáp ứng yêu cầu đối với các nghiên cứu sử dụng phân tích nhân tố và mô hình phương trình cấu trúc (SEM), đồng thời bảo đảm độ tin cậy cần thiết cho việc kiểm định mô hình nghiên cứu.

Về cơ cấu mẫu, sinh viên thuộc nhiều nhóm ngành khác nhau như khoa học xã hội, kinh tế, kỹ thuật và

giáo dục đều được tham gia khảo sát. Sự đa dạng này giúp phản ánh tương đối toàn diện thực trạng tư duy biện chứng trong môi trường giáo dục đại học và tăng khả năng khái quát hóa kết quả nghiên cứu.

### **3.3. Xây dựng công cụ đo lường**

Trên cơ sở tổng quan lý thuyết và kết quả nghiên cứu định tính, nghiên cứu xây dựng thang đo năng lực tư duy biện chứng theo hướng đa chiều, bao gồm bốn cấu phần chính: nhận thức, siêu nhận thức, phân tư và bối cảnh xã hội.

Các biến quan sát được thiết kế dưới dạng thang đo Likert 5 mức độ, từ “hoàn toàn không đồng ý” đến “hoàn toàn đồng ý”. Việc sử dụng thang đo Likert cho phép lượng hóa mức độ biểu hiện của các thành tố tư duy biện chứng, đồng thời phù hợp với các kỹ thuật phân tích thống kê hiện đại.

Quy trình xây dựng công cụ đo lường được thực hiện qua nhiều bước nhằm bảo đảm tính khoa học và độ tin cậy của thang đo. Trước hết, các chỉ báo được tổng hợp từ các nghiên cứu trước đây liên quan đến tư duy phân biện, siêu nhận thức và tư duy bậc cao. Sau đó, các chỉ báo này được điều chỉnh cho phù hợp với đặc trưng của tư duy biện chứng và bối cảnh giáo dục đại học Việt Nam.

Tiếp theo, bảng hỏi được gửi đến nhóm chuyên gia để đánh giá mức độ phù hợp về nội dung và ngữ nghĩa. Dựa trên góp ý của chuyên gia, một số biến quan sát được hiệu chỉnh nhằm bảo đảm tính rõ ràng, dễ hiểu và phản ánh đúng nội hàm khái niệm nghiên cứu.

Sau khảo sát thử nghiệm, nghiên cứu tiến hành kiểm định độ tin cậy của thang đo thông qua hệ số Cronbach's Alpha. Các biến quan sát có hệ số tương quan biến – tổng thấp bị loại bỏ nhằm tăng độ nhất quán nội tại của thang đo. Tiếp đó, phân tích nhân tố khám phá (EFA) được sử dụng để xác định cấu trúc các nhân tố tiềm ẩn và đánh giá mức độ hội tụ của các biến quan sát. Cuối cùng, phân tích nhân tố khẳng định (CFA) được thực hiện nhằm kiểm định giá trị hội tụ, giá trị phân biệt và mức độ phù hợp của mô hình đo lường với dữ liệu thực tế.

Thông qua quy trình này, nghiên cứu từng bước hình thành một hệ thống thang đo có cơ sở lý luận và độ tin cậy cao, làm nền tảng cho việc kiểm định mô hình nghiên cứu ở các bước tiếp theo.

### **3.4. Phương pháp xử lý và phân tích dữ liệu**

Dữ liệu thu thập được xử lý bằng các phần mềm thống kê SPSS và AMOS/SmartPLS theo quy trình nhiều bước.

Trước hết, nghiên cứu tiến hành làm sạch dữ liệu nhằm loại bỏ các bảng hỏi không hợp lệ, kiểm tra dữ liệu thiếu và phát hiện các giá trị ngoại lệ. Sau đó, thống kê mô tả được sử dụng để phản ánh đặc điểm mẫu nghiên cứu và mức độ biểu hiện của các cấu phần tư duy biện chứng.

Tiếp theo, nghiên cứu kiểm định độ tin cậy của thang đo thông qua hệ số Cronbach's Alpha. Các thang đo đạt giá trị Alpha lớn hơn 0,7 được xem là có độ tin cậy chấp nhận được. Sau bước này, phân tích nhân tố khám phá (EFA) được sử dụng để xác định cấu trúc nhân tố và đánh giá mức độ hội tụ của các biến quan sát.

Trên cơ sở kết quả EFA, nghiên cứu tiếp tục thực hiện phân tích nhân tố khẳng định (CFA) nhằm kiểm định mô hình đo lường. Các chỉ số như CFI, TLI và RMSEA được sử dụng để đánh giá mức độ phù hợp của mô hình. Theo các tiêu chuẩn phổ biến trong nghiên cứu SEM, mô hình được xem là phù hợp khi các chỉ số CFI và TLI lớn hơn 0,90, trong khi RMSEA nhỏ hơn 0,08.

Cuối cùng, mô hình phương trình cấu trúc (SEM) được sử dụng để kiểm định các giả thuyết nghiên cứu và đánh giá mối quan hệ giữa các biến tiềm ẩn. Phương pháp này cho phép kiểm định đồng thời cả mô hình đo lường và mô hình cấu trúc trong cùng một khuôn khổ phân tích thống nhất, qua đó phân ánh đầy đủ tính phức hợp của năng lực tư duy biện chứng.

Nhìn chung, việc kết hợp các kỹ thuật phân tích hiện đại giúp nâng cao độ tin cậy và giá trị khoa học của nghiên cứu, đồng thời tạo cơ sở thực nghiệm cho việc giải thích cấu trúc và cơ chế vận hành của năng lực tư duy biện chứng trong giáo dục đại học.

## 4. Kết quả nghiên cứu

### 4.1. Thống kê mô tả

Kết quả thống kê mô tả cho thấy năng lực tư duy biện chứng của sinh viên có sự khác biệt đáng kể giữa các câu phần.

Trong bốn câu phần được khảo sát, năng lực nhận thức đạt điểm trung bình cao nhất. Điều này cho thấy phần lớn sinh viên có khả năng tiếp nhận kiến thức, nhận diện vấn đề và thực hiện các thao tác tư duy cơ bản ở mức tương đối tốt. Sinh viên có thể phân tích thông tin và vận dụng một số nguyên tắc logic trong học tập cũng như giải quyết các nhiệm vụ học thuật.

Tuy nhiên, các câu phần liên quan đến siêu nhận thức và phản tư lại có mức điểm thấp hơn đáng kể. Nhiều sinh viên chưa hình thành được thói quen tự giám sát quá trình tư duy, chưa thường xuyên đánh giá lại các lập luận hoặc điều chỉnh cách tiếp cận khi gặp vấn đề phức tạp. Đặc biệt, câu phần phản tư ghi nhận mức điểm thấp nhất, phản ánh tình trạng người học còn thiếu khả năng tự đánh giá, phân biện và tái cấu trúc nhận thức.

Kết quả này cho thấy tư duy của sinh viên vẫn thiên về tiếp nhận tri thức hơn là kiến tạo tri thức. Nói cách khác, sinh viên có thể “hiểu” vấn đề nhưng chưa thực sự có năng lực “phản tư” và “tái cấu trúc” nhận thức trước các tình huống có tính mâu thuẫn hoặc đa chiều.

Ngoài ra, cấu phần bối cảnh xã hội cũng cho thấy mức độ ảnh hưởng đáng kể đến sự phát triển tư duy biện chứng. Những sinh viên thường xuyên tham gia thảo luận học thuật, hoạt động nhóm hoặc các hoạt động trải nghiệm thực tiễn có xu hướng đạt điểm cao hơn ở các câu phần nhận thức và phản tư. Điều này khẳng định vai trò của môi trường học tập và tương tác xã hội đối với sự hình thành tư duy biện chứng.

### 4.2. Kết quả kiểm định thang đo

Kết quả kiểm định độ tin cậy cho thấy các thang đo trong nghiên cứu đều đạt mức chấp nhận tốt. Hệ số Cronbach's Alpha của các câu phần đều lớn hơn ngưỡng tiêu chuẩn, chứng tỏ các biến quan sát có độ nhất quán nội tại cao.

Kết quả phân tích nhân tố khám phá (EFA) cho thấy các biến quan sát hội tụ thành bốn nhóm nhân tố tương đối rõ ràng, phù hợp với mô hình lý thuyết đề xuất. Các hệ số tải nhân tố đều đạt giá trị yêu cầu, chứng minh các biến quan sát phản ánh tốt các khái niệm nghiên cứu.

Tiếp theo, phân tích nhân tố khẳng định (CFA) cho thấy mô hình đo lường có mức độ phù hợp tốt với dữ liệu khảo sát. Các chỉ số đánh giá như CFI, TLI và RMSEA đều đạt ngưỡng chấp nhận, xác nhận giá trị hội tụ và giá trị phân biệt của các thang đo.

Nhìn chung, kết quả kiểm định cho thấy hệ thống thang đo được xây dựng trong nghiên cứu có độ tin cậy và giá trị phù hợp để sử dụng trong việc đo lường năng lực tư duy biện chứng của sinh viên.

### 4.3. Kết quả mô hình SEM và kiểm định giả thuyết

Kết quả phân tích mô hình phương trình cấu trúc (SEM) cho thấy mô hình nghiên cứu đề xuất có mức độ phù hợp tốt với dữ liệu thực tế. Các giả thuyết nghiên cứu phần lớn được chấp nhận với mức ý nghĩa thống kê phù hợp.

Kết quả kiểm định cho thấy năng lực nhận thức có tác động tích cực đến năng lực siêu nhận thức và phản tư. Điều này cho thấy khả năng nhận diện và phân tích vấn đề là tiền đề quan trọng để người học phát triển khả năng tự giám sát và điều chỉnh hoạt động tư duy.

Trong các mối quan hệ được kiểm định, siêu nhận thức là yếu tố có ảnh hưởng mạnh nhất đến năng lực phản tư. Sinh viên có khả năng theo dõi và điều chỉnh quá trình tư duy thường có xu hướng đánh giá lại lập luận, xem xét đa chiều và tái cấu trúc nhận thức tốt hơn.

Ngoài ra, bối cảnh xã hội cũng có tác động đáng kể đến cả ba câu phần còn lại. Những môi trường học tập có tính tương tác cao, khuyến khích tranh luận và phân biện học thuật giúp thúc đẩy sự phát triển của tư duy biện chứng ở sinh viên. Kết quả này khẳng định rằng tư duy biện chứng không chỉ là sản

phẩm của hoạt động nhận thức cá nhân mà còn chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ môi trường học tập và trải nghiệm xã hội.

### **4.4. Những phát hiện chính của nghiên cứu**

Kết quả nghiên cứu cho phép rút ra một số phát hiện quan trọng.

Thứ nhất, năng lực tự duy biện chứng của sinh viên có cấu trúc đa chiều, bao gồm các thành tố nhận thức, siêu nhận thức, phản tư và bối cảnh xã hội. Các thành tố này không tồn tại độc lập mà có mối quan hệ tương tác và hỗ trợ lẫn nhau.

Thứ hai, siêu nhận thức và phản tư giữ vai trò trung tâm trong quá trình phát triển tư duy biện chứng. Điều này cho thấy việc nâng cao khả năng tự giám sát và phản tư cần được xem là trọng tâm trong đổi mới giáo dục đại học.

Thứ ba, môi trường học tập có ảnh hưởng trực tiếp đến sự hình thành năng lực tư duy biện chứng. Các hoạt động học tập mang tính đối thoại, tranh luận và trải nghiệm thực tiễn có khả năng thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển của tư duy bậc cao.

Cuối cùng, nghiên cứu cũng cho thấy khoảng cách đáng kể giữa yêu cầu phát triển năng lực tư duy biện chứng và thực tiễn học tập của sinh viên hiện nay. Mặc dù sinh viên có nền tảng nhận thức tương đối tốt, nhưng khả năng phản tư và tự điều chỉnh nhận thức vẫn còn hạn chế.

### **4.5. Thực trạng năng lực tư duy biện chứng của sinh viên Trường Đại học Trung Vương**

Kết quả khảo sát cho thấy sinh viên Trường Đại học Trung Vương đã có những chuyển biến tích cực nhất định trong quá trình phát triển tư duy khoa học và tư duy logic. Phần lớn sinh viên bước đầu hình thành khả năng lập luận, phân tích và tiếp cận vấn đề theo trình tự logic nhất định. Đây là nền tảng quan trọng cho việc phát triển các năng lực tư duy bậc cao hơn, đặc biệt là tư duy biện chứng.

Bên cạnh đó, nội dung liên quan đến tư duy biện chứng đã từng bước được tích hợp trong một số học phần, nhất là các môn lý luận chính trị và phương pháp luận khoa học. Thông qua việc học tập các nguyên lý và quy luật của phép biện chứng duy vật, sinh viên có điều kiện tiếp cận cách nhìn toàn diện, phát triển và lịch sử – cụ thể đối với các sự vật, hiện tượng.

Ngoài ra, một số giảng viên đã chủ động đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tăng cường thảo luận, đặt vấn đề và khuyến khích phản biện học thuật. Những thay đổi này bước đầu tạo môi trường thuận lợi cho việc hình thành và phát triển tư duy biện chứng trong nhà trường.

Mặc dù đã đạt được một số kết quả tích cực, năng lực tư duy biện chứng của sinh viên vẫn còn nhiều hạn chế đáng chú ý. Trước hết, tư duy của một bộ phận sinh viên còn mang tính phiến diện và cảm

tính. Khi tiếp cận vấn đề, sinh viên thường nhìn nhận sự vật theo hướng đơn tuyến, thiếu khả năng xem xét trong mối liên hệ đa chiều và vận động phát triển của nó. Khả năng nhận diện mâu thuẫn và đánh giá các yếu tố tác động còn hạn chế, dẫn đến các kết luận thiếu tính hệ thống. Mặt khác, kỹ năng phân tích và tổng hợp của sinh viên chưa đáp ứng yêu cầu của giáo dục đại học hiện đại. Nhiều sinh viên gặp khó khăn trong việc tách vấn đề thành các yếu tố cấu thành để phân tích hoặc liên kết các thông tin rời rạc thành một chỉnh thể logic và có ý nghĩa. Chưa kể, phương thức học tập của sinh viên vẫn còn mang tính thụ động. Người học chủ yếu tiếp nhận kiến thức từ giảng viên mà chưa chủ động tham gia vào quá trình kiến tạo tri thức. Tình trạng ngại tranh luận, thiếu tự tin khi trình bày quan điểm và hạn chế trong phản biện học thuật vẫn còn khá phổ biến.

Một trong những nguyên nhân quan trọng xuất phát từ phương pháp giảng dạy còn nặng về truyền thụ tri thức. Trong nhiều trường hợp, hoạt động dạy học vẫn tập trung vào việc cung cấp nội dung lý thuyết hơn là tổ chức các hoạt động tư duy cho sinh viên. Điều này khiến người học ít có cơ hội tham gia tranh luận, phản biện và giải quyết các tình huống thực tiễn có tính phức hợp.

Bên cạnh đó, kỹ năng tự học và tự nghiên cứu của sinh viên còn hạn chế. Nhiều sinh viên chưa hình thành được thói quen tìm kiếm, đánh giá và xử lý thông tin một cách độc lập, dẫn đến sự phụ thuộc lớn vào tài liệu và nội dung do giảng viên cung cấp.

Ngoài ra, việc gắn kết giữa lý luận và thực tiễn trong quá trình đào tạo chưa thực sự hiệu quả. Một số nội dung học tập còn mang tính hàn lâm, thiếu liên hệ với các tình huống cụ thể trong đời sống và nghề nghiệp, làm giảm khả năng vận dụng tư duy biện chứng của sinh viên vào thực tiễn.

### **4.6. Giải pháp nâng cao năng lực tư duy biện chứng cho sinh viên**

Từ kết quả nghiên cứu, có thể đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao năng lực tư duy biện chứng cho sinh viên trong giáo dục đại học.

Trước hết, cần đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng phát triển tư duy bậc cao. Giảng viên cần tăng cường sử dụng các phương pháp như thảo luận học thuật, tranh biện, dạy học theo tình huống và học tập dựa trên vấn đề nhằm kích thích khả năng phân tích, phản tư và giải quyết vấn đề của sinh viên.

Thứ hai, cần tích hợp rèn luyện tư duy biện chứng trong toàn bộ chương trình đào tạo thay vì chỉ giới hạn trong các môn lý luận. Mỗi môn học cần tạo cơ hội để sinh viên phân tích vấn đề dưới nhiều góc độ, nhận diện mâu thuẫn và hình thành cách nhìn toàn diện.

Thứ ba, cần tăng cường hoạt động học tập trải nghiệm và gắn đào tạo với thực tiễn. Các hoạt động như nghiên cứu khoa học sinh viên, thực tập nghề

nghiệp, dự án cộng đồng và hoạt động ngoại khóa cần được tổ chức theo hướng tạo ra các tình huống có tính mâu thuẫn và yêu cầu người học vận dụng tư duy biện chứng để giải quyết.

Cuối cùng, cần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và trí tuệ nhân tạo trong hỗ trợ học tập. Các nền tảng học tập số, hệ thống quản lý học tập và công cụ AI có thể hỗ trợ sinh viên tiếp cận đa nguồn thông tin, thực hành phân tích và kiểm chứng tri thức. Tuy nhiên, việc sử dụng công nghệ cần được định hướng nhằm phát triển năng lực tư duy độc lập, tránh lệ thuộc thụ động vào công cụ hỗ trợ.

Nhìn chung, việc phát triển tư duy biện chứng cho sinh viên cần được triển khai đồng bộ từ chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy đến môi trường học tập và cơ chế đánh giá. Đây là điều kiện quan trọng để nâng cao chất lượng giáo dục đại học và đáp ứng yêu cầu của xã hội tri thức trong bối cảnh chuyên đổi số hiện nay.

### 5. Kết luận và hàm ý nghiên cứu

Kết quả nghiên cứu cho thấy năng lực tư duy biện chứng của sinh viên không tồn tại như một kỹ năng đơn lẻ mà là một cấu trúc nhận thức đa chiều, được hình thành từ sự tương tác giữa các thành tố nhận thức, siêu nhận thức, phản tư và bối cảnh xã hội. Phát hiện này tương đồng với xu hướng nghiên cứu quốc tế về tư duy bậc cao khi nhấn mạnh vai trò của tính tích hợp giữa hoạt động xử lý thông tin, tự điều chỉnh nhận thức và tương tác xã hội trong quá trình học tập. Tuy nhiên, nghiên cứu hiện tại mở rộng các tiếp cận trước đây ở chỗ không xem mâu thuẫn như một “sai lệch logic” cần loại bỏ, mà xem đó là động lực thúc đẩy sự phát triển của tư duy. Điều này phản ánh đúng tinh thần của phép biện chứng duy vật, đồng thời tạo ra một cách tiếp cận khác biệt so với nhiều mô hình tư duy phân biện truyền thống vốn thiên về logic hình thức và suy luận tuyến tính.

So sánh với các nghiên cứu dựa trên khung tư duy phân biện của Facione hay thang nhận thức Bloom cho thấy, các mô hình trước đây chủ yếu tập trung vào năng lực phân tích, đánh giá và suy luận, trong khi chưa giải thích đầy đủ khả năng dung hòa các quan điểm đối lập và tái cấu trúc tri thức trong điều kiện thực tiễn phức hợp. Kết quả của nghiên cứu này cho thấy sinh viên có thể đạt mức khá ở năng lực nhận thức cơ bản nhưng vẫn gặp khó khăn ở chiều kích phản tư và siêu nhận thức. Điều đó chứng tỏ việc sở hữu kiến thức hoặc khả năng lập luận logic chưa đồng nghĩa với việc hình thành tư duy biện chứng hoàn chỉnh. Tư duy biện chứng đòi hỏi người học phải có khả năng nhìn nhận sự vật trong tính toàn diện, nhận diện mâu thuẫn, chấp nhận tính không chắc chắn và chủ động điều chỉnh nhận thức của chính mình.

Một phát hiện đáng chú ý của nghiên cứu là vai trò trung tâm của cấu trúc siêu nhận thức trong mô hình cấu trúc. Kết quả SEM cho thấy năng lực tự

giám sát, tự điều chỉnh và lựa chọn chiến lược tư duy có tác động mạnh mẽ đến khả năng phản tư và giải quyết vấn đề đa chiều của sinh viên. Điều này cho thấy quá trình phát triển tư duy biện chứng không chỉ phụ thuộc vào lượng tri thức mà người học sở hữu, mà còn phụ thuộc vào khả năng kiểm soát và tái cấu trúc quá trình tư duy của bản thân. Nói cách khác, sinh viên chỉ có thể phát triển tư duy biện chứng khi họ biết “tư duy về chính tư duy của mình”.

Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng khẳng định ảnh hưởng đáng kể của môi trường học tập và phương pháp giảng dạy đối với sự hình thành tư duy biện chứng. Những môi trường học tập có tính đối thoại, khuyến khích tranh luận và phản biện học thuật có tác động tích cực đến cả bốn cấu phần của năng lực này. Ngược lại, các mô hình đào tạo nặng tính truyền thụ, chú trọng ghi nhớ và tái hiện tri thức làm hạn chế khả năng phản tư và tư duy đa chiều của người học. Điều này góp phần lý giải vì sao mặc dù sinh viên đã được tiếp cận với các nội dung triết học và phương pháp luận, nhưng năng lực vận dụng tư duy biện chứng trong thực tiễn vẫn còn hạn chế.

Trên phương diện lý thuyết, nghiên cứu đóng góp một mô hình tích hợp đa chiều về năng lực tư duy biện chứng, kết nối các yếu tố nhận thức, siêu nhận thức, phản tư và bối cảnh xã hội trong cùng một cấu trúc phân tích thống nhất. Đây là điểm khác biệt quan trọng so với các nghiên cứu trước vốn thường tiếp cận các thành tố này một cách rời rạc. Mô hình được đề xuất không chỉ góp phần mở rộng cơ sở lý luận về tư duy bậc cao mà còn cung cấp nền tảng cho việc xây dựng các công cụ đo lường có độ tin cậy và giá trị cao trong nghiên cứu giáo dục.

Từ kết quả nghiên cứu, một số hàm ý học thuật và thực tiễn được đặt ra. Trước hết, nghiên cứu góp phần bổ sung cơ sở khoa học cho hướng tiếp cận phát triển năng lực trong giáo dục đại học, đặc biệt trong bối cảnh chuyên đổi số và sự gia tăng tính phức hợp của tri thức hiện nay. Bộ thang đo được kiểm định trong nghiên cứu có thể được sử dụng như một công cụ tham chiếu để đánh giá mức độ phát triển tư duy biện chứng của sinh viên ở các lĩnh vực đào tạo khác nhau, đồng thời hỗ trợ các nghiên cứu tiếp theo trong lĩnh vực tâm lý học nhận thức và khoa học giáo dục.

Về phương diện giáo dục, kết quả nghiên cứu cho thấy việc phát triển tư duy biện chứng cần được đặt ở vị trí trung tâm trong thiết kế chương trình đào tạo và tổ chức hoạt động dạy học. Thay vì chỉ truyền đạt tri thức theo hướng tuyến tính, giảng viên cần tạo ra các tình huống học tập chứa đựng mâu thuẫn nhận thức, các vấn đề mở và các quan điểm đối lập để kích thích người học phân tích, tranh luận và tái cấu trúc hiểu biết. Những chủ đề mang tính thời sự và phức hợp như trí tuệ nhân tạo, đạo đức công nghệ, phát triển bền vững hay xung đột giữa tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường có thể trở thành nguồn

tư liệu giàu giá trị để rèn luyện tư duy biện chứng.

Đồng thời, nghiên cứu nhấn mạnh sự cần thiết phải đổi mới hoạt động đánh giá trong giáo dục đại học. Các hình thức kiểm tra dựa trên ghi nhớ và tái hiện kiến thức không còn phù hợp với mục tiêu phát triển tư duy bậc cao. Thay vào đó, cần ưu tiên các hình thức đánh giá quá trình như viết tiểu luận phản biện, tranh biện học thuật, nghiên cứu tình huống hoặc bảo vệ dự án nhóm, trong đó trọng tâm không chỉ nằm ở “đáp án đúng” mà còn ở khả năng lập luận, phân tích mâu thuẫn và tự điều chỉnh nhận thức của người học.

Ở cấp độ chính sách, năng lực tư duy biện chứng cần được xem như một chuẩn đầu ra cốt lõi trong giáo dục đại học. Trong bối cảnh trí tuệ nhân tạo và công nghệ số ngày càng thay thế các thao tác ghi nhớ và xử lý thông tin tuyến tính, giá trị khác biệt của nguồn nhân lực trình độ cao sẽ nằm ở khả năng xử lý các vấn đề phức hợp, đối diện với sự không chắc chắn và tư duy vượt ra ngoài các khuôn mẫu sẵn có. Vì vậy, việc phát triển tư duy biện chứng không chỉ mang ý nghĩa học thuật mà còn là yêu cầu chiến lược đối với đào tạo nguồn nhân lực trong thời

đại chuyển đổi số.

Mặc dù đạt được những kết quả nhất định, nghiên cứu vẫn tồn tại một số hạn chế cần được nhìn nhận. Thứ nhất, phạm vi khảo sát mới chỉ giới hạn trong một cơ sở giáo dục đại học với quy mô mẫu còn tương đối hạn chế, do đó tính khái quát của kết quả cần được tiếp tục kiểm chứng trong các bối cảnh đào tạo khác nhau. Thứ hai, dữ liệu nghiên cứu chủ yếu dựa trên phương pháp tự báo cáo (Self-Report), nên chưa phản ánh đầy đủ chiều sâu và tính động của quá trình tư duy thực tế.

Trong tương lai, các nghiên cứu tiếp theo có thể mở rộng theo hướng so sánh liên ngành, liên vùng hoặc liên quốc gia nhằm làm rõ ảnh hưởng của bối cảnh văn hóa – giáo dục đến cấu trúc tư duy biện chứng. Đồng thời, việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo và phân tích dữ liệu lớn trong đánh giá tư duy, chẳng hạn thông qua phân tích ngữ nghĩa bài luận, theo dõi quá trình giải quyết vấn đề hoặc khai thác dữ liệu học tập số, có thể mở ra những hướng tiếp cận mới trong nghiên cứu và đo lường năng lực tư duy bậc cao của sinh viên trong thời đại số.

#### Tài liệu tham khảo

- Abrami, P. C., Bernard, R. M., Borokhovski, E., Waddington, D. I., Wade, C. A., & Persson, T. (2015). Strategies for teaching students to think critically: A meta-analysis. *Review of Educational Research*, 85(2), 275–314. <https://doi.org/10.3102/0034654314551063>
- Brookfield, S. D. (2012). *Teaching for Critical Thinking: Tools and Techniques to Help Students Question Their Assumptions*. San Francisco: Jossey-Bass. URL: <https://www.wiley.com/en-us/Teaching+for+CriticalThinking-p-9780470889343>
- Ennis, R. H. (2018). Critical thinking across the curriculum: A vision. *Topoi*, 37(1), 165–184. <https://doi.org/10.1007/s11245-016-9401-4>
- Facione, P. A. (1990). *Critical Thinking: A Statement of Expert Consensus for Purposes of Educational Assessment and Instruction (The Delphi Report)*. American Philosophical Association. URL: <https://eric.ed.gov/?id=ED315423>
- Halpern, D. F. (2014). *Thought and Knowledge: An Introduction to Critical Thinking (5th ed.)*. New York: Psychology Press. URL: <https://www.routledge.com/Thought-and-Knowledge-An-Introduction-to-Critical-Thinking/Halpern/p/book/9781848726291>
- Nguyễn Cảnh Toàn (2005). *Khơi dậy tiềm năng sáng tạo*. Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo dục. URL: <https://nxbgiaoduc.vn>
- Nguyễn Văn Cường, & Bernd Meier (2014). *Lý luận dạy học hiện đại: Cơ sở đổi mới mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học*. Hà Nội: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm. URL: <https://hnue.edu.vn>
- Paul, R., & Elder, L. (2020). *The Miniature Guide to Critical Thinking: Concepts and Tools (8th ed.)*. Foundation for Critical Thinking. URL: <https://www.criticalthinking.org/store/products/the-miniature-guide-to-critical-thinking-concepts-tools/586>
- UNESCO (2021). *Reimagining Our Futures Together: A New Social Contract for Education*. Paris: UNESCO Publishing. URL: <https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000379707>
- World Economic Forum. (2023). *The Future of Jobs Report 2023*. Geneva: World Economic Forum. URL: <https://www.weforum.org/reports/the-future-of-jobs-report-2023>

**PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC TƯ DUY BIỆN CHỨNG CỦA SINH VIÊN ĐẠI HỌC:  
KHUNG PHÂN TÍCH ĐA CHIỀU VÀ MINH CHỨNG THỰC NGHIỆM  
TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRUNG VƯƠNG**

**Nguyễn Thị Huệ**

Trường Đại học Trung Vương

ROR ID: <https://ror.org/05xzsm645>

Email: [Huenguyenvps@gmail.com](mailto:Huenguyenvps@gmail.com)

ORCID iD: <https://orcid.org/0009-0008-3982-4097>

**Lịch sử bài báo**

Ngày nhận bài: 19/3/2026

Ngày phản biện: 25/4/2026

Ngày tác giả sửa: 10/5/2026

Ngày duyệt đăng: 15/6/2026

Ngày phát hành: 30/6/2026

**DOI:** <https://doi.org/10.64223/tvj.p2026.v2.i6.a101>

**Tóm tắt:**

*Trong bối cảnh chuyển đổi số và sự gia tăng tính phức hợp của tri thức, năng lực tư duy biện chứng ngày càng trở thành năng lực cốt lõi của sinh viên đại học. Tuy nhiên, các nghiên cứu hiện nay vẫn thiếu một khung phân tích tích hợp và công cụ đo lường có độ tin cậy cao, đặc biệt trong bối cảnh giáo dục đại học ở các quốc gia đang phát triển. Trên cơ sở đó, nghiên cứu này xây dựng và kiểm định thực nghiệm một khung phân tích đa chiều nhằm kiến tạo và đo lường năng lực tư duy biện chứng của sinh viên tại Trường Đại học Trung Vương.*

*Nghiên cứu dựa trên lý thuyết kiến tạo, lý thuyết phát triển nhận thức và cách tiếp cận xã hội - văn hóa, qua đó khái niệm hóa năng lực tư duy biện chứng gồm 4 thành tố: nhận thức, siêu nhận thức, tự đánh giá, điều chỉnh và tương tác xã hội. Phương pháp nghiên cứu hỗn hợp được triển khai với khảo sát khoảng 400 sinh viên; các thang đo được kiểm định bằng EFA, CFA và mô hình phương trình cấu trúc (SEM).*

*Kết quả nghiên cứu xác nhận độ tin cậy và giá trị của mô hình đo lường, đồng thời cho thấy siêu nhận thức và phản tư giữ vai trò trung tâm trong sự phát triển tư duy biện chứng. Nghiên cứu cũng chỉ ra ảnh hưởng đáng kể của môi trường học tập và phương pháp giảng dạy đối với năng lực này. Trên cơ sở này, nghiên cứu đóng góp ba phương diện chính: (i) Phát triển lý thuyết thông qua khung phân tích tích hợp đa chiều; (ii) Cung cấp công cụ đo lường có độ tin cậy cao; và (iii) Đề xuất hàm ý thực tiễn cho đổi mới giáo dục đại học. Qua đó, nghiên cứu góp phần thúc đẩy học thuật về tư duy bậc cao và cung cấp mô hình có khả năng mở rộng trong bối cảnh toàn cầu hóa tri thức.*

**Từ khóa:** Năng lực tư duy biện chứng; Kỹ năng tư duy bậc cao; Đánh giá trong giáo dục đại học; Khung phân tích đa chiều; Mô hình phương trình cấu trúc (SEM); Siêu nhận thức và tự điều chỉnh; Giáo dục dựa trên năng lực; Đo lường và kiểm định trong giáo dục.

**JEL Codes:** I23, I21, C12, C83, I28